TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2024/DS-ST
Ngày: 20-3-2024
"Về tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Lệ.

Ông Thạch Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh, kiểm sát viên.

- Người hỗ trợ phiên toà tại điểm cầu trung tâm Toà án nhân dân huyện Tiểu Cần: Ông Nguyễn Phước T– Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Người hỗ trợ phiên toà tại điểm cầu thành phần tại Tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã H, huyện T: Ông Đặng Hoàng V– Phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã H.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2023/TLST-DS, ngày 17 tháng 11 năm 2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị Na R**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

Người đại diện hợp cho nguyên đơn: Chị **Kim Thị Đa N**, sinh năm 1991, đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền đề ngày 26/01/2024, có mặt).

Địa chỉ: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

- Bị đơn: Chị **Thạch Thị Sa B**, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Kim Thị Đa N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày có nội dung: Nguyên đơn có làm đầu thảo, loại hụi 3.000.000 đồng, thỏa thuận bằng lời nói 01 tháng khui 02 lần, ai kêu thăm cao thì hốt hụi, trừ hoa hồng đầu thảo là 900.000 đồng, có 16 phần hụi, **dây số 07**, hụi mở ngày 15/12/2019 chị Thạch Thị Sa B tham gia 01 phần, trong danh sách chị R ghi tên chị B là "*Út Mây*". Trong dây hụi này chị B hốt hụi trong lần mở hụi kỳ thứ 03 kêu là 2.190.000 đồng, nguyên đơn đã giao hụi cho chị B đầy đủ, chị B đóng hụi chết đến lần thứ 12, sau đó chị B không đóng hụi chết từ lần thứ 13 đến thứ 16 nên nguyên đơn đã choàng hụi 04 kỳ hụi với 01 phần hụi là 12.000.000 đồng, nhưng đối với lần thứ 13 nguyên đơn hốt hụi nên chỉ yêu cầu chị B trả số tiền vốn là 810.000 đồng đã hốt hụi trước đó và lần choàng hụi thứ 16 nguyên đơn không chứng minh được không yêu cầu.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 5.190.000 đồng, chỉ yêu cầu chị B trả cho nguyên đơn số tiền là 6.810.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Thạch Thị Sa B vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện: Chị B thừa nhận có tham gia hụi do chị R làm đầu thảo loại hụi 3.000.000 đồng, thỏa thuận bằng lời nói 01 tháng khui 02 lần, ai kêu thăm cao thì hốt hụi, trừ hoa hồng đầu thảo là 900.000 đồng, có 16 phần hụi, dây số 07, chị có hốt hụi cũng không nhớ hốt lần thứ mấy nhưng chị nhớ đóng hụi chết đến lần thứ 12, sau đó do hụi xoay vòng bể hụi nên chị không có tiền đóng hụi chết cho chị R. Nay chị không đồng ý trả cho chị R số tiền là 12.000.000 đồng do chị không có tiền để trả.

***Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất*:**

Chị Thạch Thị Sa B thừa nhận có tham gia hụi do chị R làm đầu thảo loại hụi 3.000.000 đồng, thỏa thuận bằng lời nói 01 tháng khui 02 lần, ai kêu thăm cao thì hốt hụi, trừ hoa hồng đầu thảo là 900.000 đồng, có 16 phần hụi dây số 07, chị B đã hốt hụi, đóng hụi chết đến lần thứ 12, từ lần thứ 13 đến lần thứ 16 không có đóng hụi cho chị R.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

Chị R yêu cầu chị B trả số tiền hụi còn nợ là 6.810.000 đồng.

Chị Thạch Thị Sa B không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị R.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Thạch Thị Sa B có nghĩa vụ trả cho chị Thạch Thị Na R số tiền là 6.810.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 5.190.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn số tiền góp hụi 6.810.000 đồng là có thật mặc dù các bên không có lập thành hợp đồng nhưng nguyên đơn có lập danh sách hụi và giao cho bị đơn giữ, khi thực hiện hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bên thực hiện hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc các bên thực hiện hợp đồng góp hụi bằng lời nói là phù hợp quy định tại Điều 119 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó hợp đồng có hiệu lực đối với các bên.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì chị B thừa nhận có tham gia hụi do chị R làm đầu thảo loại hụi 3.000.000 đồng, thỏa thuận bằng lời nói 01 tháng khui 02 lần, ai kêu thăm cao thì hốt hụi, trừ hoa hồng đầu thảo là 900.000 đồng, có 16 phần hụi, dây số 07, chị B đã hốt hụi, đóng hụi chết đến lần thứ 12, từ lần thứ 13 đến lần thứ 16 chị không có đóng hụi cho chị R. Việc nguyên đơn yêu cầu khởi kiện là thực hiện đúng quyền của chủ hụi được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định "*Về họ, hụi, biêu, phường*" quy định quyền của chủ hụi cụ thể: "*Yêu cầu thành viên không góp phần họ của mình phải trả phần họ trong trường hợp chủ họ đã góp thay cho thành viên đó*". Tòa án đã tiến hành lấy lời khai các hụi viên mà chị R đã choàng thay thì các hụi viên đều thừa nhận chị R đã choàng thay chị B số tiền là 6.00.000 đồng. Ngoài ra khi chị R hốt hụi lần thứ 13 chị B không trả số tiền vốn là 810.000 đồng mà

chị B đã hốt hụi trước đó trong lần thứ 03. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Đối với ý kiến của chị B thừa nhận có tham gia hụi đã hốt hụi và không đóng hụi chết cho đến khi mãn hụi và cũng không đồng ý trả nợ cho chị R với lý do không có tiền là không có cơ sở chấp nhận, vì theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định "*Về họ, hụi, biêu, phường*" quy định nghĩa vụ của hụi viên cụ thể: "*Tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ trong trường hợp đã lĩnh họ trước thành viên khác*". Do đó, chị B phải có trách nhiệm góp hụi cho đến khi mãn hụi nhưng chị B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hụi viên mà chị R đã choàng hụi thay là 6.000.000 đồng và chị B chưa trả số tiền vốn 810.000 đồng mà chị B đã hốt hụi trước đó cho chị R, nên chị B phải có trách nhiệm trả lại cho chị R tổng số tiền là 6.810.000 đồng, việc chị B không đồng ý trả nợ vì không có tiền trả là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Tại phiên toà hôm nay đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền là 5.190.000 đồng, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là nằm trong phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, 35, 39, 91, 92, 94, 95, 96, 147, 227, 228, 244, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, 119, 429, khoản 2 Điều 468, 471 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định "*Về họ, hụi, biêu, phường*";

Áp dụng Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Na R.

Buộc chị Thạch Thị Sa B có nghĩa vụ trả nợ cho chị Thạch Thị Na R số tiền là 6.810.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm mười nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 5.190.000 đồng. Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại trong vụ án khác khi có yêu cầu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Thạch Thị Sa B phải chịu là 340.500 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do tách vụ án, số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã dự nộp được xử lý trong vụ án khác.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân